TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 25 - 8 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Ngọc Trọng

Bà Ngô Thị Ánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C - Sinh năm 1963; Có mặt

Địa chỉ: KP B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: 1. Anh Trần Trí V – sinh năm: 1995; Có mặt

2. Chị Lê Thị H – sinh năm: 1994; Có mặt

Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lữ Văn B – sinh năm: 1961; Có mặt

Địa chỉ: Khu phố B, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2023 và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:*

Ngày 26/3/2019 anh Trần Trí V và chị Lê Thị H có vay của bà C số tiền tổng cộng là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay là làm ăn kinh doanh,

lãi suất thỏa thuận là 1.000đ/triệu/ngày. Để vay số tiền này anh V và chị H đã ký 02 hợp đồng vay tiền, trong đó 01 hợp đồng vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) hẹn đến ngày 26/6/2019 sẽ thanh toán và 01 hợp đồng vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) hẹn đến ngày 26/8/2019 sẽ thanh toán. Khi vay anh V còn viết cam kết nếu đến hạn không thanh toán sẽ có trách nhiệm chuyển nhượng 100m^2 đất ở cho bà C có sự đồng ý và chứng kiến của bố mẹ anh V. Quá trình vay anh V, chị H mới trả cho bà C được 02 tháng lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) từ đó cho đến nay anh V, chị H không thanh toán được tiền nợ cho bà C cũng như không thực hiện cam kết chuyển nhượng đất. Trước đây vào năm 2019, 2020 bà C cùng một số nhà cho gia đình anh V, chị H và bố mẹ anh V vay tiền đã đến cơ quan công an yêu cầu giải quyết việc vay nợ này và công an tỉnh T đã giải quyết. Năm 2022 tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xét xử vụ án hình sự đối với bố mẹ anh V là bà T, ông T1. Còn việc vay nợ của anh V, chị H sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn giải quyết buộc anh V, chị H thanh toán số tiền đã vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi từ khi vay đến thời điểm khởi kiện là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

Ngày 16/8/2023 bà Lê Thị C có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung như sau: Sau khi xem xét lại bà C thấy anh V, chị H đã trả được 02 tháng lãi là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) kể từ thời điểm vay 26/3/2019, nay bà C chỉ yêu cầu tính lãi suất với khoản vay trên được tính là 10%/năm kể từ ngày 27/5/2019 đến ngày 25/8/2023 (là 51 tháng). Như vậy số tiền lãi 02 tháng anh V, chị H đã nộp vượt quá lãi suất 10%/năm sẽ được ưu tiên trừ vào gốc. Phần lãi vượt quá được trừ vào gốc là 12.000.000đ – (0,83% x 2 tháng x 200.000.000đ) = 8.680.000đ. Số tiền phải trả là: Gốc còn lại: 200.000.000đ – 8.680.000đ = 191.320.000đ. Lãi suất 10%/năm được tính bắt đầu từ 27/5/2019 đến ngày 25/8/2023 là: 191.320.000đ x 0,83% x 51 tháng = 80.985.756đ. Nay bà C chỉ yêu cầu: Buộc anh V chị H phải trả số tiền gốc 191.320.000 đồng và tiền lãi đến ngày 25/8/2023 là 80.985.756 đồng. Tổng cộng buộc anh V chị H phải trả cho bà C là 272.305.756 đồng (Hai trăm bảy hai triệu ba trăm linh năm nghìn bảy trăm năm sáu đồng). Trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn anh Trần Trí V và chị Lê Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với bà C nên ngày 26/3/2019 vợ chồng anh V, chị H có vay của bà C số tiền: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), Lãi suất 4.000đ/triệu/ngày tương đương với 24.000.000đ /tháng. Vay với mục đích kinh doanh làm ăn nhưng vì dịch làm ăn thua lỗ nên giờ không có khả năng trả cho bà C

nữa. Nay bà C khởi kiện nhưng vợ chồng anh V, chị H hiện tại rất khó khăn, con còn nhỏ, nhà ở thuê, công việc bấp bênh nên vợ chồng anh V, chị H mong được xin lãi và số tiền gốc cho anh V, chị H trả theo tháng, mỗi tháng 500.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Văn B trình bày:*

Vào ngày 26/3/2019 vợ ông B là bà Lê Thị C có cho anh V, chị H vay số tiền là 200.000.000đ để dùng vào việc kinh doanh. Quá trình vay, anh V, chị H không thực hiện như cam kết mà mới trả được 02 tháng lãi bằng 12.000.000 đồng. Vợ chồng ông đã hỏi nhiều lần nhưng vợ chồng anh V, chị H không trả nợ. Nay vợ ông khởi kiện anh V, chị H thì quan điểm của ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của vợ ông. Buộc anh V, chị H phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đ trừ đi số tiền lãi đã vượt quá theo quy định 10%/năm và lãi suất đối với số tiền gốc còn lại. Lãi suất được tính 10%/năm từ ngày 27/5/2019 đến thời điểm xét xử vụ án. Yêu cầu phải trả số tiền trên 01 lần.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc anh Trần Trí V và chị Lê Thị H phải trả cho bà C tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2023 là 272.305.756 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 191.320.000 đồng, tiền lãi là 80.985.756 đồng). Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Trần Trí V và chị Lê Thị H thống nhất số nợ gốc và lãi như trình bày cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên anh V chị H đề nghị xin được trả số tiền nợ gốc và lãi trên với mức mỗi tháng trả tối thiểu 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Văn B thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị C và đề nghị bị đơn anh V chị H phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến 25/8/2023 là 272.305.756 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 191.320.000 đồng, tiền lãi là 80.985.756 đồng) cho ông bà. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Buộc anh V và chị H phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị đơn anh V, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/8/2023 nguyên đơn bà Lê Thị C có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, yêu cầu thay đổi, bổ sung không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3]. Về nội dung yêu cầu giải quyết:

- Đối với yêu cầu về số nợ gốc: Tại 02 hợp đồng vay tiền cùng ngày 26/3/2019 được các bên ký kết, thỏa thuận nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên đương sự đều thừa nhận: Số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), quá trình thực hiện hợp đồng thì anh V chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo như hợp đồng đã ký kết. Đây được xem là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy nguyên đơn bà Lê Thị C yêu cầu anh Trần Trí V chị Lê Thị H trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên đối với số tiền lãi bà C thừa nhận anh V chị H đã trả được 02 tháng với số tiền 12.000.000 đồng, số tiền này bà C xét thấy đã vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật, nên bà C yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay trên là 10%/năm, phần vượt quá sẽ được ưu tiền trừ vào gốc (Phần vượt quá = 12.000.000 đồng – (0,83% x 200.000.000 đồng x 2 tháng) = 8.680.000 đồng. Vì vậy bà C yêu cầu anh V chị H phải trả số tiền nợ gốc 191.320.000 đồng (200.000.000 đồng – 8.680.000 đồng) là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận..

- Đối với yêu cầu về số nợ lãi: Trong các hợp đồng vay tiền có thỏa thuận về

lãi suất nhưng không ghi rõ lãi suất, phía nguyên đơn thừa nhận lãi suất vay là 1.000đ/triệu/ngày, còn phía bị đơn thừa nhận lãi suất vay là 4.000đ/triệu/ngày. Theo bản án số 251/2023/HSPT ngày 13/4/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội thì lời khai này của bị đơn là không có cơ sở. Có thể khẳng định hợp đồng vay tiền giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất không rõ ràng, đều vượt quá so với mức lãi suất theo quy định của pháp luật (Lãi suất 20%/năm). Đối với số tiền lãi đã trả thì các bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, tuy nhiên nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 02 tháng lãi với số tiền là 12.000.000 đồng, việc thừa nhận này của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận. Nay nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn anh V chị H phải trả tiền lãi suất đối với số nợ gốc 191.320.000 đồng với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 27/5/2019 đến ngày 25/8/2023 theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C

Buộc anh Trần Trí V và chị Lê Thị H phải thanh toán cho bà Lê Thị C và ông Lữ Văn B số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2023 là 272.305.756 đồng (*Hai trăm bảy hai triệu ba trăm linh năm nghìn bảy trăm năm sáu đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 191.320.000 đồng, tiền lãi là 80.985.756 đồng. Trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Trí V, chị Lê Thị H phải liên đới chịu án phí DSST là: 13.615.000đ (*Mười ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng*) – Đã làm tròn số.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng